

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 3775/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phải trực tiếp chỉ đạo xây dựng các Đề án (quy hoạch, kế hoạch, dự án, chương trình, báo cáo...) do ngành, địa phương, đơn vị mình được giao nhiệm vụ chủ trì; chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, đơn vị liên quan để chuẩn bị, bảo đảm chất lượng tốt nhất và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tại Quy chế làm việc của UBND tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo thời gian quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh, bổ sung các Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh).

2. Giao Chánh Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực

hiện Quyết định này, định kỳ hàng tháng báo cáo UBND tỉnh. Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và đề xuất của các ngành, địa phương, đơn vị trong việc điều chỉnh, bổ sung Đề án; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH, VP HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Công văn số: 02 /UBND-THKH ngày 01 / 01 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC CÁC NỘI DUNG TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|--|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| | Tháng 1 | | | |
| 1 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 1, nhiệm vụ trọng tâm tháng 2 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 2 | Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | | x |
| 3 | Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT | | x |
| 4 | Cơ chế, chính sách phát triển cây gai xanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Sở Nông nghiệp và PTNT | x | x |
| 5 | Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| | Tháng 2 | | | |
| 6 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 2, nhiệm vụ trọng tâm tháng 3 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 7 | Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|--|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 8 | Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | X |
| 9 | Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ | | |
| 10 | Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN | | X |
| 11 | Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | X |
| 12 | Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | X |
| 13 | Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi giai đoạn 2021 - 2025 | Ban Dân tộc | | X |
| 14 | Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 | Sở Tài nguyên và Môi trường | X | X |
| 15 | Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức của các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | | X |
| 16 | Đề án sắp xếp, ổn định dân cư cho các vùng ảnh hưởng bởi thiên tai và những hộ dân sống rải rác, dân di cư tự do trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT | | X |
| 17 | Đề án thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN | | X |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|---|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 18 | Quy hoạch vùng huyện Nông Công đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2070 | UBND huyện Nông Công | | |
| | Tháng 3 | | | |
| 19 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý I, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 20 | Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 21 | Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính Quý I, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2021 | Sở Nội vụ | | |
| 22 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng Quý I, kế hoạch thực hiện Quý II năm 2021 | Thanh tra tỉnh | | |
| 23 | Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ | | x |
| 24 | Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về phát triển hạ tầng giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 25 | Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nội vụ | | x |
| 26 | Đánh giá 7 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020 | Ban Dân tộc | | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|---|---|--------------------------|----------------------------|
| 27 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non đến năm 2030 | Sở Giáo dục và Đào tạo | x | x |
| 28 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hậu Lộc đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 | UBND huyện Hậu Lộc | | |
| 29 | Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 | Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh | | x |
| | Tháng 4 | | | |
| 30 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4, nhiệm vụ trọng tâm tháng 5 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 31 | Đề án thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 32 | Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 33 | Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 34 | Chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ | x | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|--------------|---|--|---------------------------------|-----------------------------------|
| 35 | Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm cả hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm) | Sở Nông nghiệp và PTNT | x | x |
| | Tháng 5 | | | |
| 36 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5, nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 37 | Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 38 | Sửa đổi Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 39 | Sửa đổi Quyết định số 2344/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 40 | Đề án nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ phòng thủ dân sự của lực lượng bộ đội thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | x | x |
| 41 | Đề án phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 | Sở Thông tin và Truyền thông | | x |
| 42 | Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030 | Sở Nội vụ | | |
| 43 | Cơ chế, chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án quy mô lớn, công nghệ cao giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | x | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|----------------|--|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 44 | Đề án phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x |
| 45 | Đề án đặt tên đường phố và công trình công cộng thuộc thị trấn Triệu Sơn và thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn | UBND huyện Triệu Sơn | x | x |
| 46 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Thủy đến năm 2045 | UBND huyện Cẩm Thủy | | |
| 47 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thường Xuân đến năm 2045 | UBND huyện Thường Xuân | | |
| Tháng 6 | | | | |
| 48 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 49 | Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 50 | Quy chế làm việc của UBND tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026 | Văn phòng UBND tỉnh | | |
| 51 | Báo cáo thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 | Sở Tài chính | x | x |
| 52 | Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 | Sở Nội vụ | x | |
| 53 | Báo cáo tình hình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân 6 tháng đầu năm 2021 | Thanh tra tỉnh | x | |
| 54 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng 6 tháng đầu năm, kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2021 | Thanh tra tỉnh | x | |
| 55 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy định về công tác tổ chức, quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh | Sở Nội vụ | | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|---|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 56 | Đề án phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-NQ ngày 24/6/2020 của Chính phủ | Sở Nội vụ | | x |
| 57 | Chương trình phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Giáo dục và Đào tạo | | |
| 58 | Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của HĐND tỉnh Quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh cho phù hợp Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ | Sở Tài chính | x | x |
| 59 | Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ | Văn phòng UBND tỉnh | x | x |
| 60 | Đề án xây dựng và phát triển huyện Thọ Xuân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | UBND huyện Thọ Xuân | | x |
| 61 | Đề án đặt tên đường phố trên địa bàn thị xã Bim Sơn | UBND thị xã Bim Sơn | x | x |
| 62 | Quy hoạch vùng huyện Thạch Thành đến năm 2045 | UBND huyện Thạch Thành | | |
| | Tháng 7 | | | |
| 63 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7, nhiệm vụ trọng tâm tháng 8 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 64 | Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022 - 2026 | Sở Công Thương | x | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|--------------|---|--|---------------------------------|-----------------------------------|
| 65 | Cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế, xã hội số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Sở Thông tin và Truyền thông | x | x |
| 66 | Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào Khu công nghệ thông tin tập trung; cơ chế, chính sách ưu đãi hoạt động trong Khu công nghệ thông tin tập trung, trong Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa | Sở Thông tin và Truyền thông | x | x |
| 67 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn đến năm 2045 | UBND huyện Triệu Sơn | | |
| 68 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lang Chánh đến năm 2045 | UBND huyện Lang Chánh | | |
| 69 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Thanh đến năm 2045 | UBND huyện Như Thanh | | |
| | Tháng 8 | | | |
| 70 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8, nhiệm vụ trọng tâm tháng 9 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 71 | Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Thanh Hóa | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 72 | Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 73 | Đề án nâng cao năng lực ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên khu vực biên giới, vùng biển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030 | Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh | | x |
| 74 | Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Sở Khoa học và Công nghệ | | |
| 75 | Kế hoạch thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, mục tiêu đến năm 2030 | Sở Tài chính | | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|---|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 76 | Ban hành đơn giá sản xuất chương trình phát thanh truyền hình | Sở Tài chính | | |
| 77 | Đề án đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp đến năm 2025 | Công an tỉnh | | x |
| 78 | Chính sách thu hút bác sỹ về làm việc tại các cơ sở y tế công lập tỉnh Thanh Hóa | Sở Y tế | x | x |
| 79 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định đến năm 2045 | UBND huyện Yên Định | | |
| 80 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Xuân đến năm 2045 | UBND huyện Như Xuân | | |
| 81 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bá Thước đến năm 2045 | UBND huyện Bá Thước | | |
| | Tháng 9 | | | |
| 82 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2021 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | x |
| 83 | Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do tỉnh quản lý | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 84 | Báo cáo thu chi ngân sách 9 tháng đầu năm, định hướng dự toán thu chi ngân sách năm 2022 | Sở Tài chính | | x |
| 85 | Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2021 | Sở Nội vụ | | |
| 86 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng chống tham nhũng 9 tháng đầu năm, kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2021 | Thanh tra tỉnh | | |
| 87 | Cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2022 - 2025 | Sở Giao thông Vận tải | x | x |
| 88 | Quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | x | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|--------------|--|--|---------------------------------|-----------------------------------|
| 89 | Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng các trường phổ thông tư thục chất lượng cao, trường công lập tự chủ chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Sở Giáo dục và Đào tạo | x | x |
| 90 | Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, theo Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội | x | x |
| 91 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Hóa đến năm 2045 | UBND huyện Quan Hóa | | |
| 92 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn đến năm 2045 | UBND huyện Quan Sơn | | |
| 93 | Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mường Lát đến năm 2045 | UBND huyện Mường Lát | | |
| | Tháng 10 | | | |
| 94 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10, nhiệm vụ trọng tâm tháng 11 năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | | |
| 95 | Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 | Sở Tài chính | x | x |
| 96 | Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 | Sở Tài chính | x | x |
| 97 | Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025 | Sở Tài chính | x | x |
| 98 | Kế hoạch biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp năm 2022 | Sở Nội vụ | x | x |
| 99 | Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2022 | Sở Tài nguyên và Môi trường | x | x |
| 100 | Đề án đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa | UBND thành phố Thanh Hóa | x | x |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|-------|--|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
| 101 | Đề án quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt | Sở Nông nghiệp và PTNT | | |
| 102 | Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Bim Sơn đến năm 2045 | UBND thị xã Bim Sơn | | |
| | Tháng 11 | | | |
| 103 | Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 104 | Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thanh Hóa năm 2022 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | x | x |
| 105 | Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021 | Sở Tài chính | x | x |
| 106 | Báo cáo dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 | Sở Tài chính | x | x |
| 107 | Báo cáo phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022 | Sở Tài chính | x | x |
| 108 | Báo cáo tình hình cải cách hành chính năm 2021, kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 | Sở Nội vụ | x | x |
| 109 | Báo cáo kết quả thực hiện phòng chống tham nhũng năm 2021, kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2022 | Thanh tra tỉnh | x | x |
| 110 | Báo cáo tình hình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân năm 2021 | Thanh tra tỉnh | x | x |
| 111 | Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 | Sở Công Thương | | x |
| 112 | Chính sách thu hút các bệnh viện Trung ương mở chi nhánh tại Thanh Hóa | Sở Y tế | x | x |
| | Tháng 12 | | | |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung | Nội dung trình HĐND tỉnh | Nội dung trình BTV Tỉnh ủy |
|--------------|---|--|---------------------------------|-----------------------------------|
| 113 | Chương trình công tác của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2022 | Văn phòng UBND tỉnh | | |
| 114 | Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 | Văn phòng UBND tỉnh | | |
| 115 | Đề án cơ cấu lại sản xuất của các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | | |
| 116 | Đề án xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa - thể thao giai đoạn 2021 - 2030 tỉnh Thanh Hóa | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | x |
| 117 | Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Sở Nội vụ | | |

II. DANH MỤC CÁC NỘI DUNG TRÌNH CHỦ TỊCH UBND TỈNH

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung |
|---------------|---|------------------------------------|
| Quý I | | |
| 1 | Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh năm 2021; kéo dài cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh đến hết năm 2021 | Sở Tài chính |
| 2 | Kế hoạch giải phóng mặt bằng năm 2021 | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 3 | Danh mục dự án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2021 | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 4 | Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2021 | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 5 | Đề án trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 6 | Kế hoạch quản lý vận chuyển, giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 7 | Đề án triển khai các hoạt động kiểm soát mối nguy về nguồn gốc thực phẩm giữa các đơn vị cung cấp thực phẩm với các trường học tổ chức ăn bán trú trên địa bàn toàn tỉnh | Sở Y tế |
| 8 | Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Tư pháp |
| 9 | Kế hoạch thu thập, lưu trữ, tổng hợp, thông tin thị trường lao động, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội |
| 10 | Điều chỉnh quy hoạch đô thị Triệu Lộc đến năm 2040, huyện Hậu Lộc | UBND huyện Hậu Lộc |
| 11 | Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa đến năm 2040 | UBND huyện Thiệu Hóa |
| 12 | Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung | UBND huyện Hà Trung |
| 13 | Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa | UBND huyện Hoằng Hóa |
| Quý II | | |
| 14 | Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Thanh Hóa năm 2021 | Sở Tài chính |
| 15 | Đề án phát triển cây ăn quả tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung |
|-------|---|-----------------------------------|
| 16 | Phê duyệt kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 17 | Đề án số hóa tài liệu điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nội vụ |
| 18 | Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 19 | Tổ chức Hội nghị kết nối cung - cầu, kết hợp trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 20 | Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 21 | Đề án tăng cường quản lý các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2022 | Sở Y tế |
| 22 | Đề án nâng cao năng lực quản lý, phòng, chống ngộ độc thực phẩm xảy ra tại bữa cỗ đông người trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Sở Y tế |
| 23 | Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phú - Quý, huyện Hoằng Hóa đến năm 2040 | UBND huyện Hoằng Hóa |
| 24 | Quy hoạch chung xây dựng đô thị Thịnh - Lộc, huyện Hoằng Hóa đến năm 2040 | UBND huyện Hoằng Hóa |
| 25 | Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân | UBND huyện Thọ Xuân |
| 26 | Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 | UBND huyện Vĩnh Lộc |
| 27 | Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh quốc gia núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc gắn với phát triển du lịch | UBND huyện Vĩnh Lộc |
| 28 | Đề án Quy hoạch chung đô thị Gũ, huyện Hà Trung | UBND huyện Hà Trung |
| 29 | Đề án Quy hoạch chung đô thị Cừ, huyện Hà Trung | UBND huyện Hà Trung |
| 30 | Đề án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung thị trấn Quan Hóa, huyện Quan Hóa | UBND huyện Quan Hóa |
| | Quý III | |
| 31 | Đề án đảm bảo an ninh, trật tự hệ thống truyền tải điện 500KV trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Công an tỉnh |
| 32 | Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ |

| Số TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung |
|---------------|---|------------------------------------|
| 33 | Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông Thanh Hóa | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 34 | Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045 | Sở Xây dựng |
| 35 | Đề án ứng dụng tế bào gốc trong chuyên ngành huyết học và truyền máu tỉnh Thanh Hóa | Sở Y tế |
| 36 | Đề án nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa làng cổ Đông Sơn, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 37 | Kế hoạch tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, vùng đất và con người Thanh Hóa đến bạn bè trong nước và quốc tế | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 38 | Đề án nâng cao kỹ năng nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội |
| Quý IV | | |
| 39 | Đề án phát triển hoạt động vận tải bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 | Sở Giao thông vận tải |
| 40 | Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 41 | Xây dựng bản đồ thổ nhưỡng phục vụ cho chuyển đổi cây trồng | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 42 | Đề án đẩy mạnh ứng dụng và phát triển viễn thông, công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 43 | Đề án bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị dân ca, dân vũ tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 44 | Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân đến năm 2030 | UBND huyện Thường Xuân |
| 45 | Chương trình an toàn lao động, vệ sinh lao động tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội |
| 46 | Đề án phát triển các mô hình cây trồng, vật nuôi, dược liệu, sản phẩm có lợi thế khu vực miền núi | Ban Dân tộc |
| 47 | Lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng mở rộng thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 | UBND huyện Vĩnh Lộc |